

NGÂN HÀNG NHÀ
NƯỚC
Số: 03/1999/TT-NHNN7

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 1999

THÔNG TƯ

Hướng dẫn việc vay và trả nợ nước ngoài của các doanh nghiệp

Căn cứ Điều 22 và Điều 24 Quy chế quản lý vay và trả nợ nước ngoài ban hành kèm theo Nghị định số 90/1998/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 1998 của Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi là "Ngân hàng Nhà nước") hướng dẫn việc vay và trả nợ nước ngoài của các doanh nghiệp như sau:

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Mục I. GIẢI THÍCH MỘT SỐ TỪ NGỮ

Trong Thông tư này, các cụm từ sau đây được hiểu như sau:

1. Doanh nghiệp vay nước ngoài (sau đây gọi là "Doanh nghiệp") bao gồm:

a) Doanh nghiệp không phải là tổ chức tín dụng, hoạt động tại Việt Nam:

- Doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, hợp tác xã;
- Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (Doanh nghiệp liên doanh, doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài);
- Chi nhánh công ty nước ngoài;
- Bên nước ngoài tham gia Hợp đồng hợp tác kinh doanh, Nhà thầu nước ngoài;
- Doanh nghiệp khác thuộc mọi thành phần kinh tế theo quy định của pháp luật.

b) Doanh nghiệp là tổ chức tín dụng hoạt động tại Việt Nam:

- Tổ chức tín dụng Việt Nam: Tổ chức tín dụng Nhà nước, tổ chức tín dụng cổ phần của Nhà nước và nhân dân, tổ chức tín dụng hợp tác;
- Tổ chức tín dụng liên doanh;
- Tổ chức tín dụng phi ngân hàng 100% vốn nước ngoài;

- Chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

2. Người không cư trú được hiểu theo khái niệm "Người không cư trú" quy định tại Nghị định 63/1998/NĐ-CP ngày 17 tháng 08 năm 1998 của Chính phủ về Quản lý Ngoại hối.

3. Hợp đồng vay nước ngoài là các thỏa thuận vay nước ngoài có hiệu lực rút vốn, trong đó quy định các điều khoản và điều kiện của khoản vay nước ngoài, như: Hợp đồng mua hàng trả chậm, hợp đồng tín dụng, hợp đồng thuê tài chính và các thỏa thuận vay nước ngoài khác.

4. Đăng ký vay, trả nợ nước ngoài là việc Doanh nghiệp, sau khi ký Hợp đồng vay nước ngoài trung, dài hạn (hoặc sau khi hoàn thành các thủ tục phát hành trái phiếu ra nước ngoài), đăng ký vay, trả nợ nước ngoài với Ngân hàng Nhà nước theo các quy định của Thông tư này.

5. Xác nhận đăng ký vay, trả nợ nước ngoài là việc Ngân hàng Nhà nước xác nhận bằng văn bản việc Doanh nghiệp đã thực hiện Đăng ký vay, trả nợ nước ngoài với Ngân hàng Nhà nước.

6. Ngân hàng Được phép là Ngân hàng hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam được phép hoạt động ngoại hối, theo quy định tại Nghị định 63/1998/NĐ-CP ngày 17 tháng 08 năm 1998 của Chính phủ về Quản lý Ngoại hối.

Mục II. CÁC QUY ĐỊNH CHUNG

1. Khoản vay nước ngoài của Doanh nghiệp bao gồm việc vay dưới các hình thức sau đây:

a) Vay tài chính (bằng tiền);

b) Nhập khẩu hàng hoá, dịch vụ trả chậm theo phương thức mở thư tín dụng, nhờ thu qua Ngân hàng Được phép hoặc theo phương thức trả chậm khác;

c) Thuê tài chính nước ngoài;

d) Phát hành trái phiếu ra nước ngoài;

đ) Các loại hình vay nước ngoài khác.

2. Doanh nghiệp khi ký Hợp đồng vay nước ngoài tự chịu trách nhiệm về tính pháp lý, khả năng tài chính, khả năng thu xếp vốn của Bên cho vay nước ngoài.

3. Doanh nghiệp không phải đăng ký với Ngân hàng Nhà nước khi ký các thoả thuận vay nước ngoài không có hiệu lực rút vốn như: Hiệp định tín dụng khung, biên bản ghi nhớ và các thoả thuận tương tự khác, nhưng nội dung các thoả thuận vay nước ngoài phải phù hợp với quy định của Pháp luật Việt Nam.

Trong thời gian 30 ngày kể từ ngày ký các thoả thuận trên, Doanh nghiệp gửi bản chính (hoặc bản sao có công chứng) và bản dịch ra tiếng Việt nam thoả thuận đã ký (có xác nhận của thủ trưởng Doanh nghiệp) cho Ngân hàng Nhà nước (Vụ Quản lý Ngoại hối).

4. Yêu cầu và quy trình thực hiện việc đăng ký khoản vay nước ngoài:

a) Đối với khoản vay ngắn hạn: Doanh nghiệp không phải đăng ký với Ngân hàng Nhà nước nhưng Hợp đồng vay nước ngoài ngắn hạn phải đảm bảo phù hợp với các điều kiện nêu tại Mục I, Chương II của Thông tư này.

b) Đối với khoản vay trung, dài hạn: Căn cứ các điều kiện quy định tại Mục II, Chương II của Thông tư này, Doanh nghiệp ký Hợp đồng vay nước ngoài sau đó thực hiện việc Đăng ký vay, trả nợ nước ngoài với Ngân hàng Nhà nước trong thời gian 15 ngày kể từ ngày ký Hợp đồng vay nước ngoài và trước khi thực hiện việc rút vốn.

5. Đối với các khoản vay hợp vốn của Doanh nghiệp từ các tổ chức tín dụng hoạt động tại Việt nam và Bên cho vay nước ngoài, phần vay nước ngoài Doanh nghiệp phải thực hiện theo các quy định tại Thông tư này.

6. Trường hợp chuyển khoản vay nước ngoài ngắn hạn thành khoản vay nước ngoài trung, dài hạn (thời hạn vay được kéo dài thêm trên 1 năm), Doanh nghiệp phải thực hiện theo các quy định về vay, trả nợ nước ngoài trung, dài hạn của Thông tư này.

7. Trước khi thực hiện việc thay đổi bất kỳ nội dung nào trong văn bản Xác nhận đăng ký vay, trả nợ nước ngoài của Ngân hàng Nhà nước như: Điều chỉnh số tiền vay, gia hạn nợ, thay đổi lãi suất vay, thanh toán trước, thay đổi ngân hàng làm dịch vụ rút vốn, trả nợ và các thay đổi khác, Doanh nghiệp phải đăng ký với Ngân hàng Nhà nước.

Chương II

ĐIỀU KIỆN VAY NƯỚC NGOÀI

Mục I. ĐIỀU KIỆN VAY NƯỚC NGOÀI NGẮN HẠN

Doanh nghiệp chỉ được ký Hợp đồng vay nước ngoài ngắn hạn khi đảm bảo các điều kiện sau:

1. Mục đích vay nước ngoài ngắn hạn phù hợp với phạm vi hoạt động của Doanh nghiệp:

a) Đối với Doanh nghiệp không phải là tổ chức tín dụng: Khoản vay nước ngoài ngắn hạn dùng để đáp ứng nhu cầu vốn lưu động cho sản xuất kinh doanh, theo đúng phạm vi hoạt động của Doanh nghiệp được quy định trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; hoặc Giấy phép đầu tư; hoặc Giấy phép hoạt động do cơ quan có thẩm quyền cấp;

b) Đối với Doanh nghiệp là tổ chức tín dụng: Khoản vay nước ngoài ngắn hạn dùng để bổ sung nguồn vốn tín dụng ngắn hạn.

2. Đáp ứng điều kiện vay do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định:

a) Đối tượng các Doanh nghiệp được vay nước ngoài ngắn hạn;

b) Thời hạn vay và chi phí khoản vay nước ngoài ngắn hạn (gồm lãi suất, phí và các chi phí khác);

c) Ký quỹ đối với các khoản vay nước ngoài ngắn hạn tại Ngân hàng thương mại hoạt động ở Việt nam.

Trong từng thời kỳ, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định cụ thể các điều kiện vay nêu tại Điểm 2, Mục I, Chương II của Thông tư này.

3. Đối với Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, ngoài các điều kiện quy định tại Điểm 1(a) và Điểm 2, Mục I, Chương II của Thông tư này, trong thời gian xây dựng và chưa đưa Dự án vào hoạt động, vốn vay nước ngoài ngắn hạn phải đảm bảo không làm tăng tổng vốn đầu tư.

Khi Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đã hoàn thành việc xây dựng và đưa Dự án vào hoạt động, đã hoàn thành việc góp vốn pháp định và sử dụng hết tổng vốn đầu tư, thì có thể vay ngắn hạn nước ngoài để bổ sung vốn lưu động theo các quy định của Thông tư này và không liên quan đến tổng vốn đầu tư.

4. Doanh nghiệp là tổ chức tín dụng, ngoài các điều kiện quy định tại Điểm 1(b) và Điểm 2, Mục I, Chương II của Thông tư này, phải thực hiện theo quy định hiện hành của Ngân hàng Nhà nước về giới hạn vay, bảo lãnh vay nước ngoài ngắn hạn.

5. Ngoài các điều kiện quy định tại Điểm 1, 2, 3, 4 Mục I, Chương II của Thông tư này, các nội dung khác của Hợp đồng vay nước ngoài ngắn hạn và các thoả thuận liên quan đến khoản vay nước ngoài ngắn hạn của Doanh nghiệp phải phù hợp với quy định hiện hành của Pháp luật Việt Nam.

Mục II. ĐIỀU KIỆN VAY NƯỚC NGOÀI TRUNG, DÀI HẠN

1. Doanh nghiệp không phải là tổ chức tín dụng chỉ được ký Hợp đồng vay nước ngoài trung, dài hạn khi đảm bảo các điều kiện sau:

a) Doanh nghiệp có Dự án đầu tư hoặc Phương án sản xuất kinh doanh được cơ quan có thẩm quyền quyết định đầu tư phê duyệt;

b) Thời hạn vay, thời gian ân hạn và chi phí của khoản vay nước ngoài trung, dài hạn (gồm lãi suất, phí và các chi phí khác) phải phù hợp với quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ;

c) Đối với Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, ngoài các điều kiện quy định tại Điểm 1(a) và 1(b), Mục II, Chương II của Thông tư này, vốn vay nước ngoài trung, dài hạn phải đảm bảo không làm tăng tổng vốn đầu tư.

d) Doanh nghiệp nhà nước, ngoài điều kiện nêu tại Điểm 1(a) và 1(b), Mục II, Chương II của Thông tư này, trước khi ký Hợp đồng vay nước ngoài trung dài hạn phải có ý kiến bằng văn bản của Ngân hàng Nhà nước về dự thảo lần cuối (kèm bản dịch ra tiếng Việt Nam, có xác nhận của Thủ trưởng Doanh nghiệp) đối với các văn bản sau:

- Thư bảo lãnh (trong trường hợp doanh nghiệp nhà nước được Người không cư trú bảo lãnh);

- Hợp đồng vay nước ngoài trung, dài hạn.

Ý kiến của Ngân hàng Nhà nước là định hướng cho các doanh nghiệp nhà nước trong quá trình đàm phán vay và trả nợ nước ngoài.